



ĐƠN XIN THƯỜNG TRÚ
APPLICATION FORM FOR PERMANENT RESIDENCE STATUS
(Dùng cho người nước ngoài đang tạm trú tại Việt Nam)
(For temporary residence foreigners in Viet Nam)

Kính gửi/To:(1)

1. Họ tên (chữ in hoa):
Full name (in capital letters)
Họ tên khác (nếu có):
Other names (if any)
2. Giới tính: Nam ☐ Nữ ☐
Sex Male Female
3. Sinh ngày.....tháng.....năm.....
Date of birth (Day, Month, Year)
4. Nơi sinh:
Place of birth
5. Quốc tịch gốc:
Nationality at birth
6. Quốc tịch hiện nay (3):
Current nationality
7. Dân tộc:
Ethnic group
8. Tôn giáo:
Religion
9. Hộ chiếu/Giấy tờ có giá trị đi lại quốc tế số:
Passport or International Travel Document number
10. Cơ quan cấp: có giá trị đến ngày:...../...../.....
Issuing authority: Expiry date (Day, Month, Year)
11. Địa chỉ cư trú, nghề nghiệp, nơi làm việc ở nước ngoài trước khi nhập cảnh Việt Nam
Residential address, occupation and business address abroad before coming to Viet Nam
 - Địa chỉ:
Residential address
 - Nghề nghiệp
Occupation
 - Nơi làm việc
Business address
12. Trình độ:
Qualifications
 - Học vấn, học hàm, học vị:
Academic qualifications
 - Tay nghề chuyên môn (ngành, bậc):
Professional skills (area, level)
 - Trình độ tiếng Việt (nói, nghe, đọc, viết):
Vietnamese language skills (speaking, listening, reading, writing)
13. Nhập cảnh Việt Nam ngày:/...../..... qua cửa khẩu:
Date of the latest entry into Viet Nam (Day, Month, Year) via entry port
 - Mục đích nhập cảnh: Được phép tạm trú đến ngày:/...../.....
Purpose of entry Permitted to stay until (Day, Month, Year)
14. Địa chỉ tạm trú, nghề nghiệp, nơi làm việc tại Việt Nam
Temporary address, occupation, business address in Viet Nam

chi:.....

- Nghề nghiệp:

- Nơi làm việc:

- Điện thoại liên hệ: Nhà riêng..... Cơ quan..... Di động.....

Office

Mobile

Brief personal experience (from age 18 to date: what did you do? where did you stay?)

[illegible]

Participation in any political parties or social organizations (name, participating date, position or title held)

.....

.....

.....

.....

.....

Family members

[illegible]

Living costs affordability if permanent residency in Viet Nam is granted

a. Về chỗ ở

Your accommodation

☐

Người bảo lãnh cung cấp hoặc cho ở cùng nhà

Provided by/ shared with the sponsor

Người xin thường trú tự mua, thuê

☐

Owned /rent by the applicant

b. Khả năng tài chính

Financial Capability

- Nguồn tài chính

Financial support:

Người bảo lãnh cung cấp tài chính hoặc nuôi dưỡng

☐

Financially supported or brought up by the sponsor

Người xin thường trú tự túc

☐

Self-funded by the applicant

- Mức thu nhập hiện nay (tính theo đồng Việt Nam/tháng):

Current income (in Vietnamese Dong per month)

18. Nội dung đề nghị

Requests

- Xin thường trú tại địa chỉ:

Applying for permanent residency at the address

Số nhà: Đường/ phố/ thôn Phường/ xã/ đặc khu.....

House number Street/Road/Village

Ward/commune/zone

Thành phố/ tỉnh

City/ Province

- Lý do xin thường trú (6)

Reason for permanent residence application

Tôi xin cam đoan những nội dung trên là đúng sự thật.

I declare to the best of my knowledge that all the above particulars are correct.

Làm tại: ngàytháng năm

Done at date (Day, Month, Year)

Người làm đơn

The applicant

(ký, ghi rõ họ tên)

Signature and full name

Ghi chú/Notes:

(1) Mỗi người khai 01 bản, nộp trực tiếp tại Phòng Quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh, thành phố nơi xin thường trú; trường hợp người có công lao, đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam, nhà khoa học, chuyên gia hoặc theo quyết định của Bộ trưởng Bộ Công an thì nộp tại Cục Quản lý xuất nhập cảnh.

Submit in person one completed form at the Immigration Office of Province/ Central City Public Security where the applicant is applying for permanent residency. For the foreigners who have contribution to the Cause of Development and Protection of Viet Nam, are scientists and specialists or subject to the decision of the Minister of Public Security, submit at the Immigration Department.

(2) Kèm 03 ảnh mới chụp, cỡ 2cm x 3cm, phông nền trắng, mặt nhìn thẳng, không đội mũ, không đeo kính, trang phục lịch sự. (01 ảnh dán vào đơn và 2 ảnh để rời).

Enclose 03 recently taken photos in 2cm x 3cm size, with white background, face looking straight, no hat, no glasses, polite clothes (one photo on the form and the others separate).

(3) Theo quy định của Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014, năm 2025): “Trên lãnh thổ Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam chỉ công nhận quốc tịch Việt Nam đối với công dân Việt Nam đồng thời có quốc tịch nước ngoài trong quan hệ với cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.”. Theo quy định của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam năm 2019 (sửa đổi, bổ sung năm 2023, năm 2025), công dân Việt Nam có nghĩa vụ: “Sử dụng giấy tờ xuất nhập cảnh do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp để xuất cảnh, nhập cảnh.”.

According to the provisions of Law on Vietnamese Nationality 2008 (amended and supplemented in 2014 and 2025) “Within the territory of Vietnam, the State of the Socialist Republic of Vietnam only recognizes Vietnamese nationality for Vietnamese citizens who also hold foreign

nationality in relation to the competent authorities of Vietnam, except in cases where international treaties to which the Socialist Republic of Vietnam is a party provide otherwise.”. According to the provisions of Law on entry and exit of Vietnamese citizens 2019 (amended and supplemented in 2023 and 2025), Vietnamese citizens have obligations: “Use entry and exit documents issued by competent agencies of Vietnam to make entry and exit.”.

(4) Ghi rõ bố, mẹ, vợ, chồng, con.

State clearly the information about parents, spouse and children.

(5) Đánh dấu X vào ô tương ứng và kèm theo giấy tờ chứng minh.

Mark X on the appropriate box and enclose supporting documents.

(6) Ghi rõ lý do xin thường trú, kèm theo giấy tờ chứng minh.

Specify reasons for permanent residency application and enclose supporting documents.